

Số: 788 /QĐ -UBND

Hải Phòng, ngày 07 tháng 5 năm 2013

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất ở sát giá thị trường để tính tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân năm 2013.**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2300/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành giá đất trên địa bàn thành phố năm 2013;

Xét đề nghị của liên cơ quan: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế thành phố tại Báo cáo số 45/BC-LCQ ngày 17/4/2013 về việc xác định hệ số điều chỉnh giá đất ở sát giá thị trường để tính tiền sử dụng đất đối với diện tích vượt hạn mức(hạn mức giao đất ở) của hộ gia đình, cá nhân,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất ở sát giá thị trường để tính tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân năm 2013 như phương án liên cơ quan: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế thành phố xây dựng và trình duyệt tại Báo cáo số 45/BC-LCQ ngày 17/4/2013, cụ thể:

1. Khu vực các quận:

1.1. Các quận: Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An:

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố có mức giá đất ở (vị trí 1) từ 30.000.000 đồng/m<sup>2</sup> trở lên: Hệ số điều chỉnh là **1,2** (vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4: cũng điều chỉnh theo hệ số 1,2).

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố có mức giá đất ở (vị trí 1) từ 16.000.000 đồng/m<sup>2</sup> đến dưới 30.000.000 đồng/m<sup>2</sup> trở lên: Hệ số điều chỉnh là **1,15** (vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4: cũng điều chỉnh theo hệ số 1,15).

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố còn lại: Hệ số điều chỉnh là **1,1**.

**1.2. Các quận: Dương Kinh, Đồ Sơn, Kiến An:**

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố có mức giá đất ở (vị trí 1) từ 10.000.000 đồng/m<sup>2</sup> trở lên: Hệ số điều chỉnh là **1,15** (vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4: cũng điều chỉnh theo hệ số 1,15).

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố còn lại: Hệ số điều chỉnh là **1,1**.

**2. Khu vực các huyện (trừ huyện Bạch Long Vĩ):**

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố có mức giá đất ở quy định tại Phụ lục số: 8.8, 8.9, 8.10, 8.11, 8.12, 8.13, 8.14 (tại đô thị): Hệ số điều chỉnh là **1,1**.

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố có mức giá đất ở quy định tại Phụ lục số: 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7 (tại nông thôn): Hệ số điều chỉnh là **1,05**.

**3. Các mức giá đất ở nêu trên quy định tại Quyết định số 2300/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố.**

**Điều 2.** Giao Sở Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND TP;
- Như điều 3;
- CPVP;
- CV: TC, ĐC;
- Lưu VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Trung Thoại**